

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 02 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				208,955
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	262	9,694,000
	Được chi trong ngày				9,902,955
	Đã chi trong ngày				9,777,000
	1. Dịch vụ				262,000
1	Gas sáng		0	262	0
2	Gas trưa		1,000	262	262,000
	2. Kho				235,000
	Ăn chính				235,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	1	235,000
	3. Đi chợ				9,280,000
	Ăn chính				9,280,000
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	17	464,100
2	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	28,350	11	311,850
3	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
4	Hành tây	Kg	36,750	2	73,500
5	Rau ngót	Kg	75,600	0.3	22,680
6	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
7	Rau om	Kg	36,750	0.1	3,675
8	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
9	Cải thìa	Kg	42,000	1	42,000
10	Thơm (Dứa)	Kg	54,600	4	218,400
11	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	194,250	3	582,750
12	Cá hồi	Kg	682,500	2.8	1,911,000
13	Đường kính	Kg	38,850	7	271,950
14	Tôm sú	Kg	378,000	12.5	4,725,000
15	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
16	Ngò gai	Kg	52,500	0.1	5,250
17	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	4	267,840
18	Tắc	Kg	33,600	4	134,400
19	Nước mắm Hồng Hạng	Chai	78,840	2	157,680
20	Hành tím xay	Kg	68,250	0.2	13,650
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				470,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				18,376,045
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			527	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				19,499,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				19,373,045
	Chênh lệch cuối ngày				125,955

Kế toán


Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng


Nguyễn Thị Diệp Thúy